

Bản án số: 264/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Á

Bà Trương Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2021/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1968 (có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1969 (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày: Ông và bà Trần Thị M tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1984, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bà M hay ghen tuông, luôn nghi ngờ ông có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, từ đó bà M luôn tìm cách tra hỏi ông, vợ chồng sống trong sự nghi ngờ, không tin tưởng. Ông đã một lần nộp đơn yêu cầu Tòa giải quyết nhưng vì con, vì muốn cho vợ chồng một cơ hội để đoàn tụ nên ông đã tự nguyện rút đơn. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không có sự hòa hợp, không hạnh phúc. Do đó, nay ông tiếp tục nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà M.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Võ Văn T, sinh năm 1985; Võ Thị L, sinh năm 1987; Võ Thị Hồng T, sinh năm 1991 và Võ Anh K, sinh năm 1995. Hiện các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 02 năm 2021, và các biên bản tiếp theo, bà M

trình bày: Bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau năm 1984 cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T không chung thủy. Tuy nhiên, bản thân bà không muốn các con không có cha nên bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa, yêu cầu bà M có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa nhưng bà cố tình trốn tránh, không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70; 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Văn T có đơn khởi kiện ly hôn với bà Trần Thị M có nơi thường trú tại thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh B. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn bà Trần Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình trốn tránh, không có mặt tại Tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà M về chung sống với nhau từ năm 1984 cho đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H thì việc vợ chồng ông T, bà M chung sống trước ngày 03/01/1987 là có thật. Theo quy định tại mục 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000, thấy rằng trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân gia đình, vì đây là hôn nhân thực tế.

[4] Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà M không còn, ông T thì kiên quyết xin ly hôn, còn bà M không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn, bà M cố tình không đến Tòa lần thứ hai cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình là phù hợp.

[5] Về nuôi con chung: Các con của ông T và bà M hiện đã thành niên, có việc làm ổn định, không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[6] Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của

pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các điều điều 51, 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T được ly hôn bà Trần Thị M.

- Về nuôi con chung: Ông T và bà M có 04 con chung tên Võ Văn T, sinh năm 1985; Võ Thị L, sinh năm 1987; Võ Thị Hồng T, sinh năm 1991 và Võ Anh K, sinh năm 1995. Hiện các con đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Thi đã nộp theo biên lai thu số 0000411 ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

- Về quyền kháng cáo: Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Hoài Nhơn;
- CC THA dân sự TX. Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Hoài Hải;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Long Nhiên